

Bản án số: 15/2021/HS-ST

Ngày: 23 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Nam.

Ông Dương Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (số N đường TĐT, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc Th, tên gọi khác: X; sinh ngày 28/7/1999 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn TĐ, xã PT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; vợ, con: Chưa có; con ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Cẩm Th, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: Không có; Quá trình nhân thân: Còn nhỏ ở với gia đình, học văn hóa đến lớp 12 nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm tội; bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 21/8/2020; sau đó chuyển tạm giam từ ngày 24/8/2020, cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Bị hại:

+ Chị Trần Thị O, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Số A đường M K Đ, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Ly N, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn L1, phường H, thị xã H T, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Thôn Thôn TĐ, xã PT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Cẩm Th, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn TĐ, xã PT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

+ Bà Tôn Nữ Tuyết H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Số B đường NCT, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Anh Nguyễn Thiện A, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Thôn Thôn TĐ, xã PT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đình Ph, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ xx, phường T, thị xã H T, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Người làm chứng:

+ Chị Trần Thị Thùy Tr, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

+ Ông Lâm S, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn T, huyện P V, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Nguyễn Ngọc Th nảy sinh ý định tìm người đi đường sơ hở trong quản lý tài sản để cướp giật. Ngày 20/8/2020, Th sử dụng xe mô tô chạy dọc trên các tuyến đường, thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản tại địa bàn thị xã HT và huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ 30 ngày 20/8/2020, Th mượn xe mô tô biển kiểm soát 75D1-XXX.XX của anh Nguyễn Thiện A, rồi điều khiển từ địa bàn huyện PV đến địa bàn thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khi đi đến đoạn đường giao nhau giữa đường số 4 và đường VVK thuộc tổ 1, phường T, thị xã HT, Th phát hiện chị Trần Thị O đang ngồi trên xe mô tô sát bên lề đường, trên tay sử dụng điện thoại hiệu Sam Sung Galaxy A50S màu xanh. Th điều khiển xe mô tô đi vòng lại phía sau và áp sát bên trái chị O rồi nhanh chóng giật điện thoại, tăng ga tẩu thoát. Sau khi giật được điện thoại, Th mang đến tiệm cầm đồ ở đường NSC, thành phố H, cầm được số tiền 2.000.000 đồng và sử dụng cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ 30 ngày 20/8/2020, Nguyễn Ngọc Th điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75S1-YYYY (xe mượn của ông Nguyễn Xuân L là bố của Th) chạy dọc đường Quốc lộ 49B hướng TA - thành phố H. Khi đi đến đoạn đường thuộc tổ dân phố D, thị trấn TA, huyện PV, Th phát hiện chị Nguyễn Thị Ly N đang ngồi trên xe mô tô sát bên lề đường, tay sử dụng điện thoại hiệu Xiaomi Redmi Note8 màu đen nên Th điều khiển xe mô tô đi vòng lại phía sau và áp sát bên trái rồi nhanh chóng giật điện thoại trên tay của chị N, tăng ga tẩu thoát. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Th mang điện thoại giật được đến tiệm cầm đồ của bà Tôn Nữ Tuyết H, ở số 81 đường NCT, phường P, thành phố H, cầm được số tiền 2.000.000 đồng và sử dụng cá nhân hết.

Ngày 21/8/2020, Th lên mạng xã hội “Face book” để rao bán 02 chiếc điện thoại đang cầm cố ở các tiệm cầm đồ, sau đó bán cho anh Nguyễn Đình Ph 02 điện thoại trên với tổng số tiền: 5.550.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PV đã thu giữ gồm:

- 02 ốp lưng điện thoại, 01 xe mô tô biển kiểm soát 75S1-YYYY, 01 xe mô tô biển kiểm soát 75D1-XXX.XX.

- 01 điện thoại hiệu Xiaomi Redmi Note8 màu đen và 01 điện thoại hiệu Sam Sung Galaxy A50S màu xanh.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 42/KL-HĐĐGTS ngày 26/8/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng PV, kết luận: điện thoại Xiaomi RedmiNote8 và ốp lưng điện thoại có tổng giá trị là: 3.507.000 đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 88/KL-HĐĐGTS ngày 14/9/2020, của Hội đồng định giá tổ tụng thị xã HT, kết luận: điện thoại Sam Sung A50S và ốp lưng điện thoại có tổng giá trị là: 4.000.000 đồng.

Sau khi định giá tài sản, Cơ quan điều tra Công an huyện PV và Công an thị xã HT đã trả lại cho các bị hại, cụ thể: Trả lại cho chị Trần Thị O 01 điện thoại hiệu Sam Sung Galaxy A50S màu xanh và 01 ốp lưng điện thoại; trả lại cho chị Nguyễn Thị Ly N 01 điện thoại hiệu Xiaomi Redmi Note8 màu đen và 01 ốp lưng điện thoại. Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 75D1-XXX.XX của anh Nguyễn Thiện A và 01 xe mô tô biển kiểm soát 75S1-YYYY của ông Nguyễn Xuân L, sau khi xác định được anh A và ông L hoàn toàn không biết bị cáo Th mượn các phương tiện này để cướp giật tài sản nên Cơ quan điều tra Công an huyện PV và Công an thị xã HT đã trả lại cho anh Nguyễn Thiện A và ông Nguyễn Xuân L.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại chị Trần Thị O và chị Nguyễn Thị Ly N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác; chị O có Đơn bãi nại về dân sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th. Ông Nguyễn Xuân L là bố của bị cáo đã bồi thường cho anh Nguyễn Đình Ph số tiền mua 02 điện thoại bị cáo Th đã bán là 5.500.000đồng, anh Ph đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-P2 ngày 11 tháng 01 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố Nguyễn Ngọc Th về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế luận tội giữ nguyên kết luận truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Th phạm tội “Cướp giật tài sản”; Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Th từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Về vấn đề dân sự và

vật chứng đã xử lý xong nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí hình sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Th thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, và trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện PV, Công an thị xã HT, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện PV, Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc Th: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, cũng đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 08 giờ 30 ngày 20/8/2020, tại thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo Nguyễn Ngọc Th có hành vi sử dụng xe mô tô, cướp giật 01 điện thoại hiệu Sam Sung Galaxy A50S, trị giá: 4.000.000 đồng của chị Trần Thị O. Đến khoảng 13 giờ 50 cùng ngày, cũng với thủ đoạn trên, tại huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế, Nguyễn Ngọc Th tiếp tục cướp giật 01 điện thoại hiệu Xiaomi Redmi Note8, trị giá 3.507.000 đồng của chị Nguyễn Thị Ly N. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là: 7.507.000 đồng. Hành vi bị cáo dùng xe mô tô để thực hiện việc cướp giật tài sản của người khác thuộc trường hợp “dùng thủ đoạn nguy hiểm” nên đã phạm vào tội: “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Ngọc Th là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng lại cố tình thực hiện nhiều lần. Hành vi cướp giật bất chấp sự nguy hiểm thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, xem thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước của bị cáo. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm hại đến chế độ sở hữu tài sản mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại các địa phương huyện PV và thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do vậy, cần phải xét xử nghiêm minh để răn đe, giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật của bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc Th có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội 02 lần, nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên”, được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo cũng đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử thấy cũng cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Đối với anh Nguyễn Thiện A và ông Nguyễn Xuân L, là người đã cho bị cáo mượn xe mô tô nhưng đều không biết việc bị cáo sử dụng xe mô tô của mình để làm phương tiện phạm tội. Đối với anh Nguyễn Đình Ph và bà Tôn Nữ Tuyết H là người mua và cầm cố điện thoại bị cáo chiếm đoạt, nhưng đều không biết là tài sản phạm tội mà có; nên các cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ pháp luật.

[5] Về quyết định hình phạt:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã phân tích ở trên, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian được cải tạo, học tập trở thành công dân tốt cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo và gia đình đã bồi thường đầy đủ cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và không ai có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc Th, tên gọi khác “X” phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Th 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 21/8/2020.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo Th;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp, Kiểm tra nghiệp vụ, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

TRẦN NGỌC TÚ